

MÃ ĐỀ: 401

Đề thi khảo sát gồm 04 trang.

Họ và tên học sinh:.....

Số báo danh:.....

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Lao động ở nước ta hiện nay

- A. chỉ sản xuất nông nghiệp.
- B. có tác phong công nghiệp.
- C. số lượng ngày càng tăng.
- D. phân bố đều giữa các vùng.

**Câu 2.** Cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta hiện nay

- A. ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.
- B. tăng nhanh tỉ trọng ngành khai khoáng.
- C. giảm nhóm ngành công nghiệp chế biến.
- D. đã bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

**Câu 3.** Đặc điểm các trang trại ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu là trang trại trồng trọt.
- B. tập trung ở khu vực đồng bằng.
- C. gắn với sản xuất tự cung tự cấp.
- D. chưa ứng dụng công nghệ cao.

**Câu 4.** Nguyên nhân chủ yếu làm ô nhiễm không khí ở các đô thị lớn của nước ta hiện nay là do

- A. hoạt động kinh tế.
- B. tỉ lệ dân thành thị cao.
- C. biến đổi khí hậu.
- D. có rất nhiều thiên tai.

**Câu 5.** Lợi thế để phát triển ngành lâm nghiệp ở nước ta hiện nay là

- A. độ che phủ rừng giảm.
- B. chủ yếu là rừng trồng.
- C. rừng có nhiều gỗ quý.
- D. chất lượng rừng cao.

**Câu 6.** Đặc điểm địa hình của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. nhiều cồn cát ven biển.
- B. chủ yếu là đồi núi thấp.
- C. có các cao nguyên badan.
- D. đồng bằng châu thổ lớn.

**Câu 7.** Đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam ở nước ta là

- A. có một mùa đông lạnh.
- B. độ ẩm không khí thấp.
- C. cận xích đạo gió mùa.
- D. phân mùa chưa rõ rệt.

**Câu 8.** Lãnh thổ của nước ta

- A. có vùng đất tiếp giáp với Thái Lan.
- B. giáp với vùng biển của Trung Quốc.
- C. diện tích vùng đất rộng hơn vùng biển.
- D. không gian vùng trời không xác định.

**Câu 9.** Phát triển cây công nghiệp cận nhiệt là thế mạnh nổi bật của vùng nông nghiệp nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 10.** Biểu hiện sự suy giảm tài nguyên nước ở vùng đồng bằng nước ta **không** phải là

- A. nguồn nước mặt bị ô nhiễm.
- B. mực nước ngầm bị hạ thấp.
- C. thiếu nước ngọt để sản xuất.
- D. lượng nước phân bố không đều.

**Câu 11.** Hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta hiện nay

- A. đẩy mạnh đánh bắt ven bờ.
- B. sản lượng thấp hơn nuôi trồng.
- C. chỉ tập trung ở các ngư trường.
- D. chủ yếu đánh bắt ở sông suối.

**Câu 12.** Mạng lưới đô thị ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu là thành phố rất lớn.
- B. phân bố rộng khắp cả nước.
- C. có số lượng không thay đổi.
- D. cơ sở hạ tầng đã rất hiện đại.

**Câu 13.** Cơ hội tìm kiếm việc làm của người lao động ở nước ta hiện nay được mở rộng chủ yếu do

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập sâu rộng, tiến bộ công nghệ.
- B. quá trình đô thị hóa nhanh, cơ cấu dân số vàng, mở rộng đào tạo.
- C. đa dạng các hoạt động kinh tế, đầu tư giáo dục, số lao động giảm.
- D. công nghệ hiện đại, nông nghiệp hàng hóa, trình độ lao động cao.

**Câu 14.** Nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta hiện nay phát triển mạnh do

- A. nguồn lợi phong phú với nhiều ngư trường trọng điểm.
- B. nhiều đầm phá và các cánh rừng ngập mặn ven biển.
- C. mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều hồ nhân tạo.
- D. khí hậu lạnh ẩm, nhiều loại hải sản có giá trị cao.

**Câu 15.** Đặc điểm nào sau đây đúng với đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta?

- A. Có khí hậu mát mẻ, đất feralit có mùn và đất mùn.
- B. Phần lớn là đất phù sa sông, rừng nhiệt đới lá rộng.
- C. Nhiệt độ dưới  $5^{\circ}\text{C}$ , có nhiều rừng rêu mưa mù trên núi.
- D. Quá trình feralit diễn ra rất mạnh, nhiều cây đỗ quyên.

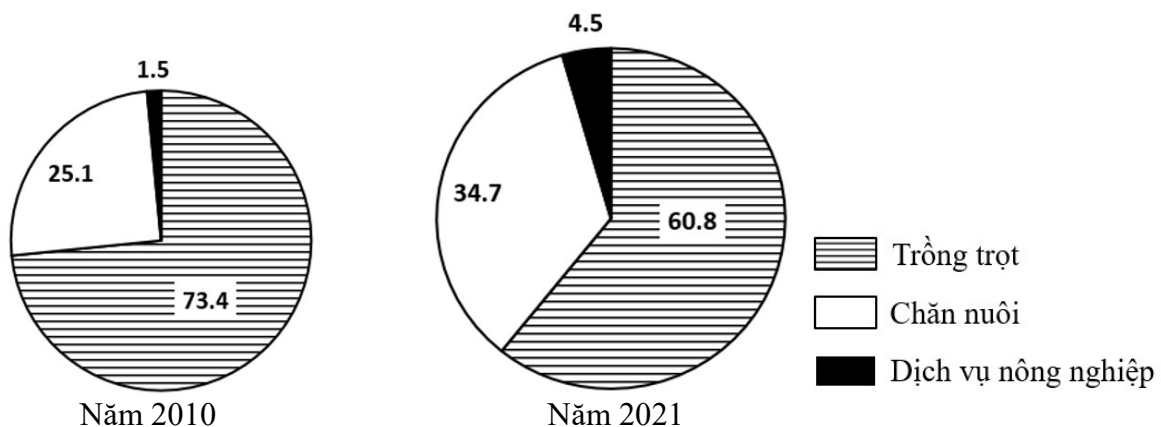
**Câu 16.** Phân hóa thiên nhiên theo chiều đông - tây ở nước ta có ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp là

- A. cơ cấu sản phẩm, hướng chuyên môn hóa sản xuất.
- B. năng suất cây trồng, xuất khẩu nông sản nhiệt đới.
- C. chế biến nông sản, tăng diện tích cây công nghiệp.
- D. đa dạng các hoạt động kinh tế, mở rộng thị trường.

**Câu 17.** Ảnh hưởng của vị trí giáp biển đến nền kinh tế nước ta là

- A. làm thay đổi cơ cấu kinh tế, thuận lợi cho giao thương, công nghệ số.
- B. thu hút vốn đầu tư, quyết định cơ cấu công nghiệp, phát triển thủy sản.
- C. đa dạng sản phẩm, phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận tải biển.
- D. phát triển du lịch, giao thông vận tải, giao lưu thuận lợi với các nước.

**Câu 18.** Cho biểu đồ sau:



**Biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của nước ta năm 2010 và năm 2021 (%)**

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2022)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỷ trọng trồng trọt lớn nhất và luôn có xu hướng tăng.
- B. Chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp đều có tỷ trọng giảm.
- C. Tỷ trọng trồng trọt năm 2021 giảm 12,6% so với năm 2010.
- D. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp có tỷ trọng tăng nhiều nhất.

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Cơ cấu kinh tế nước ta trong những năm gần đây có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Chuyển dịch thể hiện rõ ở sự thay đổi trong cơ cấu ngành kinh tế, thành phần kinh tế và lãnh thổ kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững ở nước ta.

- a) Giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp là biểu hiện của chuyển dịch theo thành phần kinh tế ở nước ta.
- b) Vùng động lực phát triển kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm hình thành là kết quả của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế và thành phần kinh tế.
- c) Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế ở nước ta hiện nay là do chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.
- d) Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta là yêu cầu cấp thiết góp phần tích cực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hội nhập nhanh với quốc tế trong thời gian tới.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và dân số của một số quốc gia khu vực Đông Nam Á năm 2022**

| Quốc gia                           | In-đô-nê-xi-a | Cam-pu-chia | Ma-lai-xi-a | Phi-lip-pin |
|------------------------------------|---------------|-------------|-------------|-------------|
| Diện tích (nghìn km <sup>2</sup> ) | 1910,9        | 181,0       | 329,7       | 300,0       |
| Dân số (triệu người)               | 275,5         | 16,8        | 33,9        | 115,6       |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

- a) Ma-lai-xi-a có diện tích lớn hơn Phi-lip-pin.
- b) So với Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a có diện tích lớn hơn 148,7 nghìn km<sup>2</sup>, dân số gấp 2,5 lần.
- c) Mật độ dân số của các nước xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp lần lượt là Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a.
- d) Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích và dân số của một số quốc gia khu vực Đông Nam Á năm 2022.

**Câu 3.** Cho đoạn thông tin:

Lãnh thổ nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Lượng nhiệt, ẩm dồi dào với sự hoạt động của các khối khí theo mùa tạo điều kiện để thực vật, động vật phát triển quanh năm. Khí hậu có ảnh hưởng sâu sắc đến các thành phần tự nhiên khác, tạo tiền đề quan trọng để phát triển nhiều ngành kinh tế ở nước ta.

- a) Số giờ nắng nhiều, mưa theo mùa thể hiện rõ tính nhiệt đới của khí hậu nước ta.
- b) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã tạo nên mùa đông lạnh, gây mưa lớn kéo dài cho miền Bắc nước ta.
- c) Biểu hiện của tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta thể hiện ở hướng chảy, tốc độ dòng chảy.
- d) Khí hậu ở một số vùng của nước ta có 2-3 tháng nhiệt độ dưới 18<sup>0</sup>C tạo điều kiện phát triển các cây trồng vụ đông trong sản xuất nông nghiệp.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Trồng cây công nghiệp đã thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao mức sống người dân ở nhiều vùng miền của nước ta. Cơ cấu cây công nghiệp nước ta đa dạng với nhiều loại cây như cà phê, cao su, hồ tiêu, mía, lạc...Chính sách Đổi mới cùng với việc ứng dụng mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật trong sản xuất đã nâng cao hiệu quả kinh tế của các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở nước ta.

a) Phát triển cây hồ tiêu đã mang lại hiệu quả kinh tế cao ở đồng bằng sông Hồng hiện nay.

b) Tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm của nước ta đang có xu hướng tăng nhanh trong cơ cấu giá trị sản xuất cây công nghiệp.

c) Nước ta có cơ cấu cây công nghiệp đa dạng do có nhiều nhóm đất và khí hậu có sự phân hóa sâu sắc.

d) Phát triển công nghiệp chế biến, tăng cường xuất khẩu là biện pháp chủ yếu để nâng cao sản lượng cây công nghiệp ở nước ta.

**Phần III.** Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Năm 1943, diện tích rừng tự nhiên của nước ta là 14,3 triệu ha đến năm 2021 là 10,1 triệu ha. Hãy cho biết so với năm 1943, diện tích rừng tự nhiên nước ta năm 2021 đã suy giảm bao nhiêu triệu ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 2.** Năm 2022, sản lượng tôm nuôi ở nước ta là 1,15 triệu tấn, số dân là 99,5 triệu người. Hãy cho biết sản lượng tôm nuôi bình quân đầu người ở nước ta là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2022 tại trạm quan trắc Đà Nẵng**  
(Đơn vị:  $^{\circ}\text{C}$ )

| Tháng    | 1    | 2    | 3    | 4    | 5    | 6    | 7    | 8    | 9    | 10   | 11   | 12   |
|----------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nhiệt độ | 20,5 | 22,4 | 25,7 | 27,5 | 29,6 | 32,3 | 31,2 | 30,5 | 27,9 | 26,7 | 25,3 | 22,3 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình năm 2022 tại trạm quan trắc Đà Nẵng là bao nhiêu  $^{\circ}\text{C}$  (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 4.** Giá trị sản xuất ngành công nghiệp ở nước ta năm 2010 là 3045,6 nghìn tỉ đồng; năm 2021 là 13026,8 nghìn tỉ đồng. Coi giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010 là 100%; hãy cho biết tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2021 của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 5.** Năm 2022, dân số nước ta 99,5 triệu người, trong đó dân số thành thị là 37,1 triệu người. Hãy cho biết tỉ lệ dân nông thôn ở nước ta năm 2022 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 6.** Cho bảng số liệu

**Diện tích gieo trồng, sản lượng lúa ở nước ta năm 2015 và năm 2022**

| Năm                   | 2015 | 2022 |
|-----------------------|------|------|
| Diện tích (triệu ha)  | 7,8  | 7,1  |
| Sản lượng (triệu tấn) | 45,1 | 42,7 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lúa năm 2022 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

-----HẾT-----

MÃ ĐỀ: 403

Đề thi khảo sát gồm 04 trang.

Họ và tên học sinh:.....

Số báo danh:.....

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta hiện nay

- A. đẩy mạnh đánh bắt ven bờ.
- B. sản lượng thấp hơn nuôi trồng.
- C. chỉ tập trung ở các ngư trường.
- D. chủ yếu đánh bắt ở sông suối.

**Câu 2.** Mạng lưới đô thị ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu là thành phố rất lớn.
- B. phân bố rộng khắp cả nước.
- C. có số lượng không thay đổi.
- D. cơ sở hạ tầng đã rất hiện đại.

**Câu 3.** Lợi thế để phát triển ngành lâm nghiệp ở nước ta hiện nay là

- A. độ che phủ rừng giảm.
- B. chủ yếu là rừng trồng.
- C. rừng có nhiều gỗ quý.
- D. chất lượng rừng cao.

**Câu 4.** Đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam ở nước ta là

- A. có một mùa đông lạnh.
- B. độ ẩm không khí thấp.
- C. cận xích đạo gió mùa.
- D. phân mùa chưa rõ rệt.

**Câu 5.** Đặc điểm các trang trại ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu là trang trại trồng trọt.
- B. tập trung ở khu vực đồng bằng.
- C. gắn với sản xuất tự cung tự cấp.
- D. chưa ứng dụng công nghệ cao.

**Câu 6.** Nguyên nhân chủ yếu làm ô nhiễm không khí ở các đô thị lớn của nước ta hiện nay là do

- A. hoạt động kinh tế.
- B. tỉ lệ dân thành thị cao.
- C. biến đổi khí hậu.
- D. có rất nhiều thiên tai.

**Câu 7.** Đặc điểm địa hình của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. nhiều cồn cát ven biển.
- B. chủ yếu là đồi núi thấp.
- C. có các cao nguyên badan.
- D. đồng bằng châu thổ lớn.

**Câu 8.** Biểu hiện sự suy giảm tài nguyên nước ở vùng đồng bằng nước ta **không** phải là

- A. nguồn nước mặt bị ô nhiễm.
- B. mực nước ngầm bị hạ thấp.
- C. thiếu nước ngọt để sản xuất.
- D. lượng nước phân bố không đều.

**Câu 9.** Lao động ở nước ta hiện nay

- A. chỉ sản xuất nông nghiệp.
- B. có tác phong công nghiệp.
- C. số lượng ngày càng tăng.
- D. phân bố đều giữa các vùng.

**Câu 10.** Lãnh thổ của nước ta

- A. có vùng đất tiếp giáp với Thái Lan.
- B. giáp với vùng biển của Trung Quốc.
- C. diện tích vùng đất rộng hơn vùng biển.
- D. không gian vùng trời không xác định.

**Câu 11.** Phát triển cây công nghiệp cận nhiệt là thế mạnh nổi bật của vùng nông nghiệp nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 12.** Cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta hiện nay

- A. ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.
- B. tăng nhanh tỉ trọng ngành khai khoáng.
- C. giảm nhóm ngành công nghiệp chế biến.
- D. đã bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

**Câu 13.** Đặc điểm nào sau đây đúng với đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta?

- A. Có khí hậu mát mẻ, đất feralit có mùn và đất mùn.
- B. Phần lớn là đất phù sa sông, rừng nhiệt đới lá rộng.
- C. Nhiệt độ dưới  $5^{\circ}\text{C}$ , có nhiều rừng rêu mưa mù trên núi.
- D. Quá trình feralit diễn ra rất mạnh, nhiều cây đỗ quyên.

**Câu 14.** Phân hóa thiên nhiên theo chiều đông - tây ở nước ta có ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp là

- A. cơ cấu sản phẩm, hướng chuyên môn hóa sản xuất.
- B. năng suất cây trồng, xuất khẩu nông sản nhiệt đới.
- C. chế biến nông sản, tăng diện tích cây công nghiệp.
- D. đa dạng các hoạt động kinh tế, mở rộng thị trường.

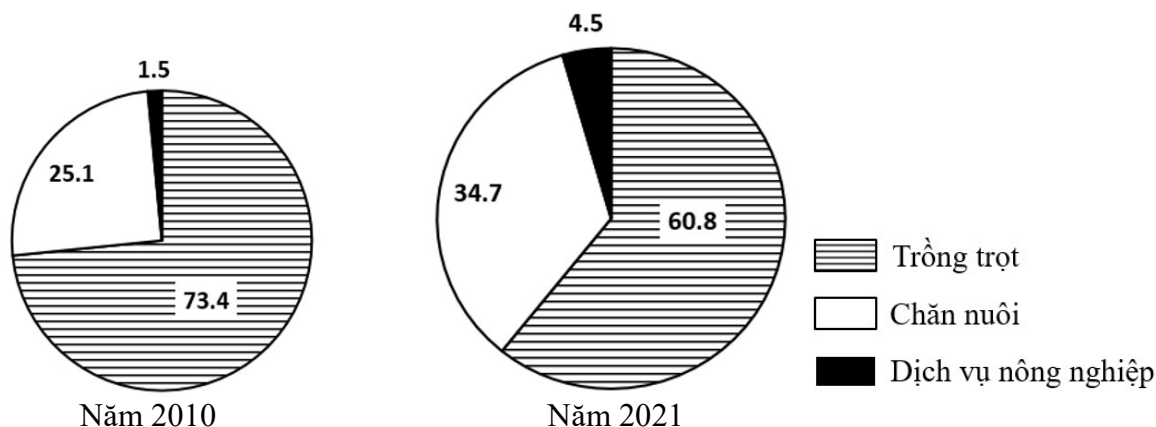
**Câu 15.** Nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta hiện nay phát triển mạnh do

- A. nguồn lợi phong phú với nhiều ngư trường trọng điểm.
- B. nhiều đầm phá và các cánh rừng ngập mặn ven biển.
- C. mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều hồ nhân tạo.
- D. khí hậu lạnh ẩm, nhiều loại hải sản có giá trị cao.

**Câu 16.** Ảnh hưởng của vị trí giáp biển đến nền kinh tế nước ta là

- A. làm thay đổi cơ cấu kinh tế, thuận lợi cho giao thương, công nghệ số.
- B. thu hút vốn đầu tư, quyết định cơ cấu công nghiệp, phát triển thủy sản.
- C. đa dạng sản phẩm, phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận tải biển.
- D. phát triển du lịch, giao thông vận tải, giao lưu thuận lợi với các nước.

**Câu 17.** Cho biểu đồ sau:



Năm 2010 Năm 2021  
**Biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của nước ta năm 2010 và năm 2021 (%)**

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2022)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỉ trọng trồng trọt lớn nhất và luôn có xu hướng tăng.
- B. Chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp đều có tỉ trọng giảm.
- C. Tỉ trọng trồng trọt năm 2021 giảm 12,6% so với năm 2010.
- D. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp có tỉ trọng tăng nhiều nhất.

- Câu 18.** Cơ hội tìm kiếm việc làm của người lao động ở nước ta hiện nay được mở rộng chủ yếu do
- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập sâu rộng, tiến bộ công nghệ.
  - B. quá trình đô thị hóa nhanh, cơ cấu dân số vàng, mở rộng đào tạo.
  - C. đa dạng các hoạt động kinh tế, đầu tư giáo dục, số lao động giảm.
  - D. công nghệ hiện đại, nông nghiệp hàng hóa, trình độ lao động cao.

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho đoạn thông tin:

Lãnh thổ nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Lượng nhiệt, ẩm dồi dào với sự hoạt động của các khối khí theo mùa tạo điều kiện để thực vật, động vật phát triển quanh năm. Khí hậu có ảnh hưởng sâu sắc đến các thành phần tự nhiên khác, tạo tiền đề quan trọng để phát triển nhiều ngành kinh tế ở nước ta.

- a) Số giờ nắng nhiều, mưa theo mùa thể hiện rõ tính nhiệt đới của khí hậu nước ta.
- b) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã tạo nên mùa đông lạnh, gây mưa lớn kéo dài cho miền Bắc nước ta.
- c) Biểu hiện của tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta thể hiện ở hướng chảy, tốc độ dòng chảy.
- d) Khí hậu ở một số vùng của nước ta có 2-3 tháng nhiệt độ dưới  $18^{\circ}\text{C}$  tạo điều kiện phát triển các cây trồng vụ đông trong sản xuất nông nghiệp.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Cơ cấu kinh tế nước ta trong những năm gần đây có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Chuyển dịch thể hiện rõ ở sự thay đổi trong cơ cấu ngành kinh tế, thành phần kinh tế và lãnh thổ kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững ở nước ta.

- a) Giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp là biểu hiện của chuyển dịch theo thành phần kinh tế ở nước ta.
- b) Vùng động lực phát triển kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm hình thành là kết quả của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế và thành phần kinh tế.
- c) Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế ở nước ta hiện nay là do chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.
- d) Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta là yêu cầu cấp thiết góp phần tích cực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hội nhập nhanh với quốc tế trong thời gian tới.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và dân số của một số quốc gia khu vực Đông Nam Á năm 2022**

| Quốc gia                         | In-đô-nê-xi-a | Cam-pu-chia | Ma-lai-xi-a | Phi-lip-pin |
|----------------------------------|---------------|-------------|-------------|-------------|
| Diện tích (nghìn $\text{km}^2$ ) | 1910,9        | 181,0       | 329,7       | 300,0       |
| Dân số (triệu người)             | 275,5         | 16,8        | 33,9        | 115,6       |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

- a) Ma-lai-xi-a có diện tích lớn hơn Phi-lip-pin.
- b) So với Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a có diện tích lớn hơn 148,7 nghìn  $\text{km}^2$ , dân số gấp 2,5 lần.
- c) Mật độ dân số của các nước xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp lần lượt là Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a.
- d) Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích và dân số của một số quốc gia khu vực Đông Nam Á năm 2022.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Trồng cây công nghiệp đã thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao mức sống người dân ở nhiều vùng miền của nước ta. Cơ cấu cây công nghiệp nước ta đa dạng với nhiều loại cây như cà phê, cao su, hồ tiêu, mía, lạc...Chính sách Đổi mới cùng với việc ứng dụng mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật trong sản xuất đã nâng cao hiệu quả kinh tế của các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở nước ta.

a) Phát triển cây hồ tiêu đã mang lại hiệu quả kinh tế cao ở đồng bằng sông Hồng hiện nay.

b) Tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm của nước ta đang có xu hướng tăng nhanh trong cơ cấu giá trị sản xuất cây công nghiệp.

c) Nước ta có cơ cấu cây công nghiệp đa dạng do có nhiều nhóm đất và khí hậu có sự phân hóa sâu sắc.

d) Phát triển công nghiệp chế biến, tăng cường xuất khẩu là biện pháp chủ yếu để nâng cao sản lượng cây công nghiệp ở nước ta.

**Phần III.** Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2022 tại trạm quan trắc Đà Nẵng**  
(Đơn vị:  $^{\circ}\text{C}$ )

| Tháng    | 1    | 2    | 3    | 4    | 5    | 6    | 7    | 8    | 9    | 10   | 11   | 12   |
|----------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nhiệt độ | 20,5 | 22,4 | 25,7 | 27,5 | 29,6 | 32,3 | 31,2 | 30,5 | 27,9 | 26,7 | 25,3 | 22,3 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình năm 2022 tại trạm quan trắc Đà Nẵng là bao nhiêu  $^{\circ}\text{C}$  (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 2.** Năm 2022, dân số nước ta 99,5 triệu người, trong đó dân số thành thị là 37,1 triệu người. Hãy cho biết tỉ lệ dân nông thôn ở nước ta năm 2022 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 3.** Năm 1943, diện tích rừng tự nhiên của nước ta là 14,3 triệu ha đến năm 2021 là 10,1 triệu ha. Hãy cho biết so với năm 1943, diện tích rừng tự nhiên nước ta năm 2021 đã suy giảm bao nhiêu triệu ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 4.** Năm 2022, sản lượng tôm nuôi ở nước ta là 1,15 triệu tấn, số dân là 99,5 triệu người. Hãy cho biết sản lượng tôm nuôi bình quân đầu người ở nước ta là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 5.** Giá trị sản xuất ngành công nghiệp ở nước ta năm 2010 là 3045,6 nghìn tỉ đồng; năm 2021 là 13026,8 nghìn tỉ đồng. Coi giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010 là 100%; hãy cho biết tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2021 của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 6.** Cho bảng số liệu

**Diện tích gieo trồng, sản lượng lúa ở nước ta năm 2015 và năm 2022**

| Năm                   | 2015 | 2022 |
|-----------------------|------|------|
| Diện tích (triệu ha)  | 7,8  | 7,1  |
| Sản lượng (triệu tấn) | 45,1 | 42,7 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lúa năm 2022 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

-----HẾT-----

**PHẦN I.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,25** điểm)

| CÂU | MÃ ĐỀ 401 | MÃ ĐỀ 403 | MÃ ĐỀ 405 | MÃ ĐỀ 407 |
|-----|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1   | C         | B         | B         | D         |
| 2   | A         | B         | C         | B         |
| 3   | B         | C         | B         | A         |
| 4   | A         | C         | A         | B         |
| 5   | C         | B         | B         | C         |
| 6   | A         | A         | C         | A         |
| 7   | C         | A         | B         | C         |
| 8   | B         | D         | C         | B         |
| 9   | B         | C         | B         | A         |
| 10  | D         | B         | D         | B         |
| 11  | B         | B         | A         | B         |
| 12  | B         | A         | A         | C         |
| 13  | A         | A         | A         | B         |
| 14  | B         | A         | B         | C         |
| 15  | A         | B         | C         | A         |
| 16  | A         | D         | A         | A         |
| 17  | D         | C         | A         | D         |
| 18  | C         | A         | D         | A         |

**PHẦN II.**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được **1** điểm.

| MÃ ĐỀ 401 |          |              | MÃ ĐỀ 403 |          |              |
|-----------|----------|--------------|-----------|----------|--------------|
| Câu       | Lệnh hỏi | Đáp án (Đ/S) | Câu       | Lệnh hỏi | Đáp án (Đ/S) |
| 1         | A        | S            | 1         | a        | S            |
|           | B        | Đ            |           | b        | S            |
|           | C        | S            |           | c        | S            |
|           | D        | Đ            |           | d        | Đ            |
| 2         | A        | Đ            | 2         | a        | S            |
|           | B        | S            |           | b        | Đ            |
|           | C        | Đ            |           | c        | S            |
|           | D        | S            |           | d        | Đ            |
| 3         | A        | S            | 3         | a        | Đ            |
|           | B        | S            |           | b        | S            |
|           | C        | S            |           | c        | Đ            |
|           | d        | Đ            |           | d        | S            |

|                  |                 |                     |                  |                 |                     |
|------------------|-----------------|---------------------|------------------|-----------------|---------------------|
| 4                | a               | S                   | 4                | a               | S                   |
|                  | b               | S                   |                  | b               | S                   |
|                  | c               | Đ                   |                  | c               | Đ                   |
|                  | d               | S                   |                  | d               | S                   |
| <b>MÃ ĐỀ 405</b> |                 |                     | <b>MÃ ĐỀ 407</b> |                 |                     |
| <b>Câu</b>       | <b>Lệnh hỏi</b> | <b>Đáp án (Đ/S)</b> | <b>Câu</b>       | <b>Lệnh hỏi</b> | <b>Đáp án (Đ/S)</b> |
| 1                | a               | Đ                   | 1                | a               | S                   |
|                  | b               | S                   |                  | b               | S                   |
|                  | c               | Đ                   |                  | c               | Đ                   |
|                  | d               | S                   |                  | d               | S                   |
| 2                | a               | S                   | 2                | a               | S                   |
|                  | b               | S                   |                  | b               | S                   |
|                  | c               | S                   |                  | c               | S                   |
|                  | d               | Đ                   |                  | d               | Đ                   |
| 3                | a               | S                   | 3                | a               | Đ                   |
|                  | b               | S                   |                  | b               | S                   |
|                  | c               | Đ                   |                  | c               | Đ                   |
|                  | d               | S                   |                  | d               | S                   |
| 4                | a               | S                   | 4                | a               | S                   |
|                  | b               | Đ                   |                  | b               | Đ                   |
|                  | c               | S                   |                  | c               | S                   |
|                  | d               | Đ                   |                  | d               | Đ                   |

### PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng được **0,25** điểm)

|                  |               |                  |               |
|------------------|---------------|------------------|---------------|
| <b>MÃ ĐỀ 401</b> |               | <b>MÃ ĐỀ 403</b> |               |
| <b>Câu</b>       | <b>Đáp án</b> | <b>Câu</b>       | <b>Đáp án</b> |
| 1                | 4,2           | 1                | 11,8          |
| 2                | 11,6          | 2                | 62,7          |
| 3                | 11,8          | 3                | 4,2           |
| 4                | 428           | 4                | 11,6          |
| 5                | 62,7          | 5                | 428           |
| 6                | 2,3           | 6                | 2,3           |
| <b>MÃ ĐỀ 405</b> |               | <b>MÃ ĐỀ 407</b> |               |
| 1                | 11,6          | 1                | 62,7          |
| 2                | 4,2           | 2                | 4,2           |
| 3                | 428           | 3                | 11,8          |
| 4                | 2,3           | 4                | 11,6          |
| 5                | 11,8          | 5                | 2,3           |
| 6                | 62,7          | 6                | 428           |

-----HẾT-----